

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Sơn Tùng.
- Bà Nguyễn Thị Nương.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thái Thị K, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1992; Nơi cư trú: Ấp BHH, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Khóm BHH, phường TL, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ấp BHH, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Khóm BHH, phường TL, tỉnh Đồng Tháp).

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2025 và biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 8 năm 2025 của nguyên đơn chị Thái Thị K trình bày: Chị với anh Nguyễn Chí T cưới nhau vào năm 2009 (không nhớ ngày tháng), có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTHB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường TL, tỉnh Đồng Tháp). Trước khi tiến hôn nhân thì chị và anh T không có tìm hiểu trước mà do cha mẹ sắp đặt. Sau khi cưới sống bên gia đình anh T được 02 năm thì cả hai đi Bình Dương làm thuê. Ngay từ khi sống chung thì cuộc sống vợ chồng đã có mâu thuẫn nhưng do con còn nhỏ nên chị ráng chịu đựng, nguyên nhân là do anh T ăn chơi,

không lo cho gia đình, chị nói thì anh T đánh chị, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hoà và cả hai đã không còn sống chung với nhau từ khoảng 07 tháng nay. Trong thời gian không còn sống chung thì có gặp nhau 01 lần nhưng không nói chuyện ở lại với nhau. Nay tình nghĩa vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Chí T. Về con chung: Chị và anh Nguyễn Chí T sống chung với nhau có được với nhau 02 con chung là Nguyễn Thị Ch, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2010 và Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2012, hiện 02 con đang sống với chị, nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Chí T đã được Tòa án triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 9, 14, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Thái Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Chí T; Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thị Ch, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2010 và Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2012 cho chị K nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị K không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết; Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Thái Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Chí T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Thái Thị K và anh Nguyễn Chí T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Thái Thị K đối với anh Nguyễn Chí T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị K thì cuộc sống của chị và anh T ngay từ khi sống chung thì cuộc sống vợ chồng đã có mâu thuẫn nhưng do con còn nhỏ nên chị ráng chịu đựng, nguyên nhân là do anh T ăn chơi, không lo cho gia đình, chị nói thì anh T đánh chị, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất hoà và cả hai đã không còn sống chung với nhau từ khoảng 07 tháng nay. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị K và anh T

hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị K là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Thái Thị K ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Thái Thị K yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Ch, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2010 và Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2012, không yêu cầu anh Nguyễn Chí T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy 02 con chung từ khi sinh ra cho đến nay đều do chị K chăm sóc nuôi dưỡng, vì vậy để ổn định cuộc sống của hai cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị K không có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung: Chị Thái Thị K cho rằng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Nguyễn Chí T không có văn bản trình bày ý kiến của mình, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về nợ chung: Chị Thái Thị K cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Nguyễn Chí T không có văn bản trình bày ý kiến của mình, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Thái Thị K. Cho chị Thái Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Chí T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Thái Thị K được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Thị Ch, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2010 và Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2012.

2.2. Anh Nguyễn Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Thái Thị K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0003815 ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị K không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12-Đồng Tháp;
- UBND phường TL, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng